

**BỘ TÀI CHÍNH**

**THỊ TRƯỜNG  
BẢO HIỂM VIỆT NAM  
NĂM 2008**

**NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH  
HÀ NỘI - 2009**

## TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ, GIÁM SÁT THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM

Năm 2008 các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu vẫn đạt mức tăng trưởng khích lệ: GDP tăng 6,23%, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 5,6%, công nghiệp tăng 14,6%, dịch vụ tăng 31%, xuất khẩu tăng 29,5%, nhập khẩu tăng 28,3%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (vốn thực hiện) đạt 11,5 tỷ USD tăng 43,2%.

Đồng thời, cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm được củng cố thêm một bước (Vụ Bảo hiểm đã được Chính phủ quyết định chuyển thành Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm) nhằm nâng cao vai trò quản lý, giám sát thị trường bảo hiểm. Ngoài ra, Bộ Tài chính tiếp tục hoàn cơ chế chính sách hướng dẫn hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo hướng minh bạch, thực hiện các chính sách phát triển thị trường, tăng cường thanh tra, kiểm tra nhằm phát triển và chấn chỉnh kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh bảo hiểm. Năm 2008, thị trường có thêm 9 doanh nghiệp được cấp phép mới, nâng tổng số doanh nghiệp lên 49. Hoạt động khai thác bảo hiểm gốc duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, đạt 21.253 tỷ đồng, tăng 20,41% so với năm 2007. Năng lực tài chính của nhiều doanh nghiệp được cải thiện, hầu hết các doanh nghiệp bảo hiểm đều đảm bảo khả năng thanh toán; quy mô các quỹ dự phòng nghiệp vụ của các doanh nghiệp bảo hiểm đạt 40.804 tỷ đồng, tăng 14,34% so với năm 2007.



**Đồng chí Vũ Văn Ninh**  
**Bộ trưởng Bộ Tài chính**

Để thực hiện mục tiêu phát triển thị trường bền vững, tăng cường vai trò của cơ quan quản lý và bảo vệ người tiêu dùng, trong năm 2009, Bộ Tài chính tập trung nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm và hệ thống các văn bản hướng dẫn. Phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế và sự phát triển của thị trường; xây dựng Kế hoạch phát triển thị trường 5 năm 2011-2015 và Chiến lược phát triển 2011-2020 tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm đảm bảo sự phát triển lành mạnh của thị trường. Trên cơ sở đó các sản phẩm bảo hiểm sẽ được tiếp tục được nghiên cứu để có thể đưa vào áp dụng thí điểm trong thời gian tới như vào hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu theo đề án do Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Về phía các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm cũng cần tập trung kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực quản trị điều hành, năng lực tài chính và năng lực kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ bảo hiểm nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập, cùng phát triển và cạnh tranh lành mạnh, tuân thủ quy định pháp luật.

Năm 2009, cả cơ quan quản lý và các doanh nghiệp cùng cố gắng vì sự phát triển bền vững của thị trường. Mỗi doanh nghiệp bảo hiểm là mắt xích quan trọng trong hệ thống bảo hiểm Việt Nam và phấn đấu cùng xây dựng ngành bảo hiểm Việt Nam phát triển bền vững trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế./.

## CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu chủ yếu	1996	1999	2002	2006	2007	2008
<b>1. Kết cấu thị trường</b>						
<b>- Tổng số DNBH, MGBH</b>	<b>8</b>	<b>15</b>	<b>20</b>	<b>37</b>	<b>40</b>	<b>49</b>
- Doanh nghiệp phi nhân thọ	6	10	13	21	22	27
- Doanh nghiệp nhân thọ		3	4	7	9	11
- Doanh nghiệp tái bảo hiểm	1	1	1	1	1	1
- Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	1	1	2	8	8	10
<b>2. Quy mô thị trường bảo hiểm (tỷ đồng)</b>						
<b>- Doanh thu phí bảo hiểm (tỷ đồng)</b>	<b>1.264</b>	<b>2.091</b>	<b>6.992</b>	<b>14.898</b>	<b>17.650</b>	<b>21.253</b>
+ Phi nhân thọ	1.263	1.606	2.624	6.403	8.213	10.950
+ Nhân thọ	1	485	4.368	8.495	9.437	10.303
- Doanh thu đầu tư (tỷ đồng)	92	200	833	3.478	6.623	6.799
<b>- Đóng góp vào GDP (%)</b>	<b>0,49</b>	<b>0,57</b>	<b>1,46</b>	<b>1,74</b>	<b>2,12</b>	<b>2,31</b>
+ Phi nhân thọ	0,46	0,40	0,49	0,61	0,72	0,90
+ Nhân thọ		0,12	0,81	0,81	0,82	0,85
+ Hoạt động đầu tư	0,03	0,05	0,16	0,33	0,58	0,56
- Phí bảo hiểm bình quân đầu người (nghìn đồng)	17	27	88	177	207	249
<b>3. Đóng góp vào ổn định kinh tế - xã hội</b>						
<b>- Bồi thường và trả tiền bảo hiểm (tỷ đồng)</b>	<b>760</b>	<b>789</b>	<b>1.400</b>	<b>5.690</b>	<b>6.627</b>	<b>9.401</b>
<b>- Lập dự phòng nghiệp vụ để đảm bảo trách nhiệm đã cam kết (tỷ đồng)</b>	<b>149</b>	<b>705</b>	<b>3.549</b>	<b>4.267</b>	<b>7.978</b>	<b>5.119</b>
<b>4. Đầu tư trở lại nền kinh tế (tỷ đồng)</b>						
<b>6. Năng lực tài chính ngành bảo hiểm</b>						
- Tổng tài sản (tỷ đồng)	1.703	3.692	12.503	39.698	57.543	74.558
- Tổng dự phòng nghiệp vụ (tỷ đồng)	791	2.107	8.685	27.707	35.685	40.804
<b>7. Giải quyết công ăn việc làm (lao động và đại lý bảo hiểm)</b>						
<b>7.000</b>	<b>30.000</b>	<b>76.600</b>	<b>118.200</b>	<b>131.910</b>	<b>138.631</b>	

## TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM NĂM 2008

### 1. CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG

Năm 2008, Bộ Tài chính tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam 2003-2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và thực hiện mở cửa thị trường bảo hiểm theo các cam kết quốc tế. Đến nay đã có 49 doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm 2 doanh nghiệp Nhà nước, 23 công ty cổ phần, 4 doanh nghiệp liên doanh và 20 doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài.

**Bảng 1: Số lượng các doanh nghiệp bảo hiểm theo khối doanh nghiệp**

Loại hình doanh nghiệp	Nhà nước	Cổ phần	Liên doanh	100% vốn nước ngoài	Tổng cộng
Phi nhân thọ	2	15	3	7	27
Nhân thọ		1	1	9	11
Tái bảo hiểm		1			1
Môi giới bảo hiểm		6		4	10
<b>Tổng cộng</b>	<b>2</b>	<b>23</b>	<b>4</b>	<b>20</b>	<b>49</b>

Bên cạnh đó, sự góp mặt của 42 văn phòng đại diện của các tổ chức bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam cũng góp phần cải thiện môi trường đầu tư và tăng lòng tin của các nhà đầu tư nước ngoài khi đến làm ăn tại Việt Nam

### 2. QUY MÔ THỊ TRƯỜNG

Thị trường bảo hiểm tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với tăng trưởng GDP, doanh thu toàn ngành đạt 28.052 tỷ đồng, tăng 15,56% so với năm 2007 trong đó doanh thu phí bảo hiểm đạt 21.253 tỷ đồng, doanh thu hoạt động đầu tư đạt 6.799 tỷ đồng.

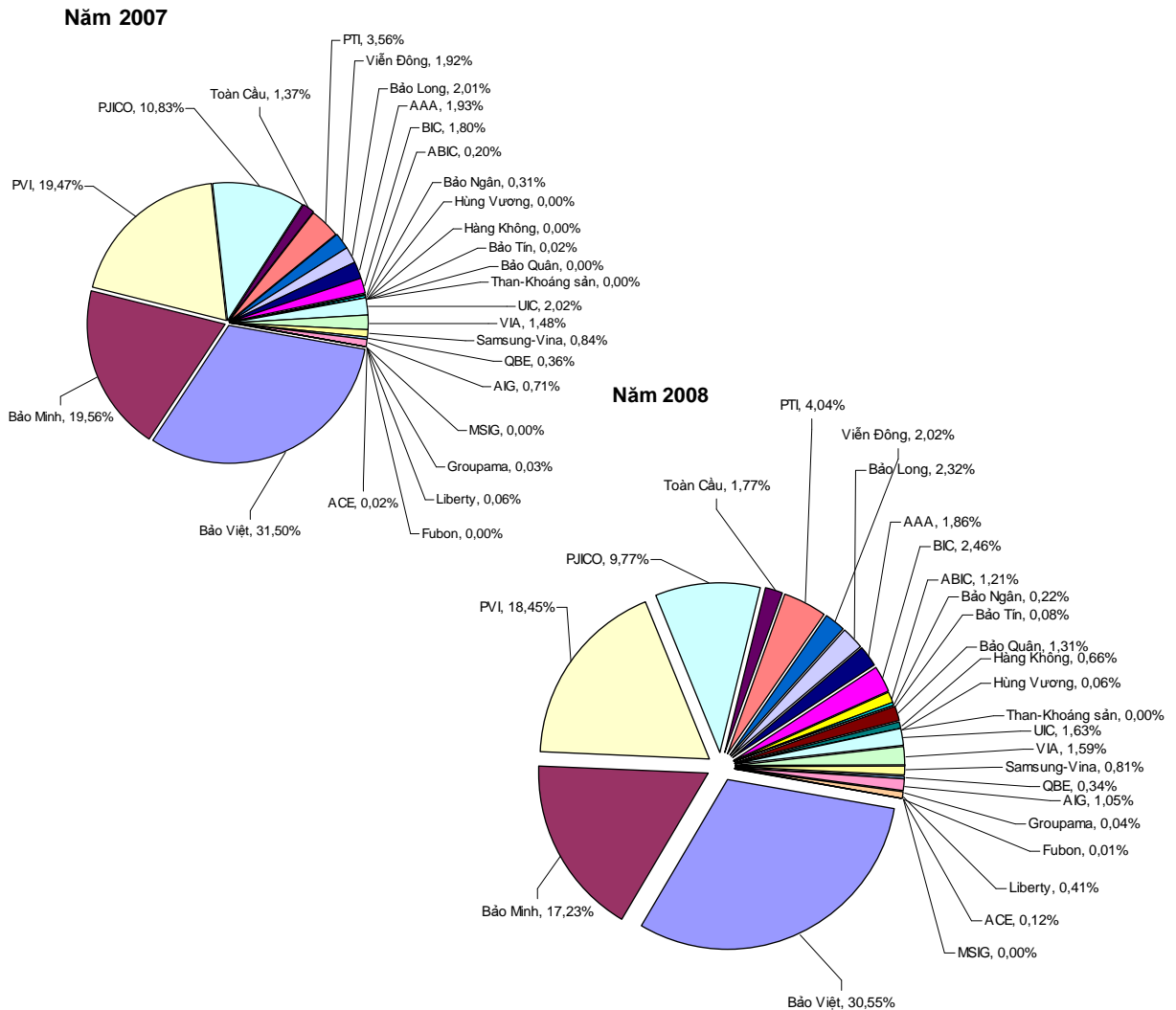
**Bảng 2: Doanh thu phí bảo hiểm và thị phần theo khối doanh nghiệp**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Phi nhân thọ		Nhân thọ		Toàn thị trường	
		2007	2008	2007	2008	2007	2008
Doanh thu phí bảo hiểm	Tỷ đồng	8.213	10.950	9.437	10.303	17.650	21.253
Tốc độ tăng trưởng	%	28,27	33,33	11,09	9,18	18,47	20,41
Tỷ trọng/tổng phí	%	43,53	53,47	51,52	48,48	100	100
Tỷ trọng phí/GDP	%	0,72	0,90	0,82	0,85	1,54	1,75

### 3. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Năm 2008, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ đạt 10.950 tỷ đồng tăng trưởng 33,33% so với năm 2007. Thị phần doanh thu phí bảo hiểm tiếp tục tập trung vào các doanh nghiệp lớn hoạt động trên thị trường như Bảo Việt: 30,55%; PVI: 18,45%; Bảo Minh: 17,23%;PJICO: 9,77%.

**Biểu 1: Thị phần doanh thu phí của từng doanh nghiệp**

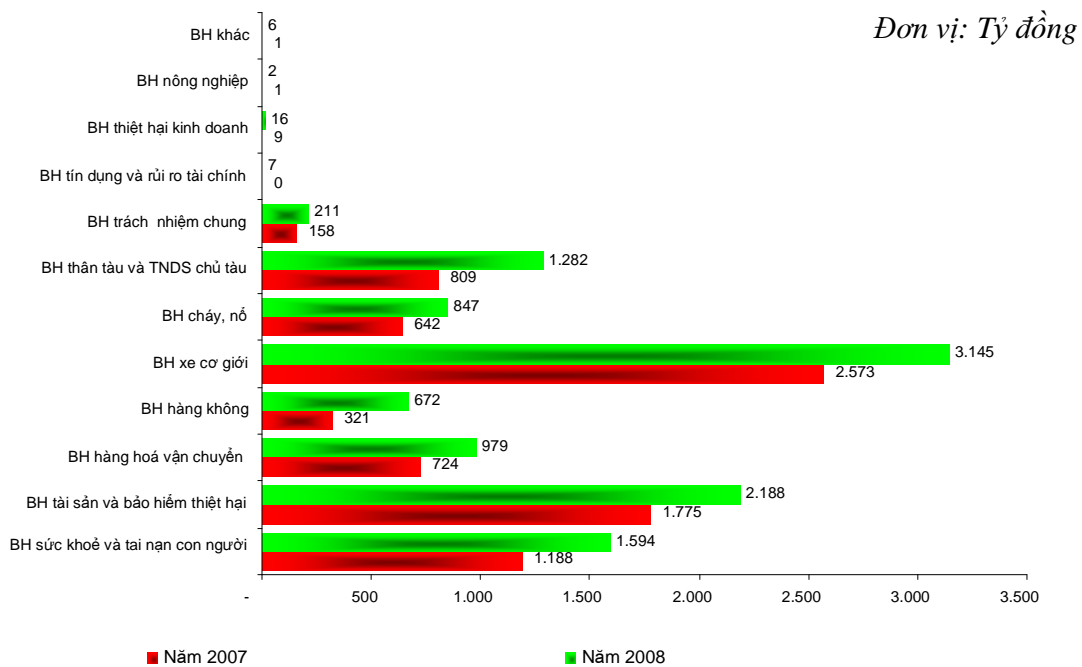


### 3.1. Cơ cấu doanh thu và tốc độ tăng trưởng phí bảo hiểm theo nghiệp vụ

#### a. Doanh thu phí bảo hiểm gốc theo nghiệp vụ

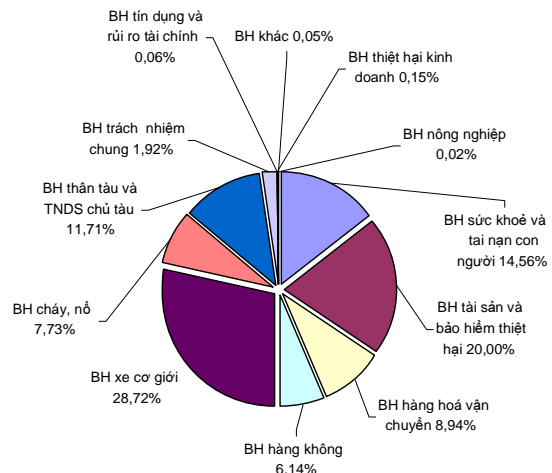
So với năm 2007, các nghiệp vụ bảo hiểm chính đều đạt tốc độ tăng trưởng cao. Nghiệp vụ bảo hiểm hàng không tăng 109,2%, bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu tăng 58,4%, bảo hiểm hàng hóa vận chuyển tăng 35,7%, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người tăng 34,4%, bảo hiểm cháy, nổ tăng 32,3%, bảo hiểm tài sản và thiệt hại tăng 22,2%, bảo hiểm xe cơ giới tăng 22,2%.

**Biểu 2. Doanh thu phí bảo hiểm gốc theo nghiệp vụ năm 2007- 2008**



**Biểu 3. Cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm gốc theo nghiệp vụ 2008**

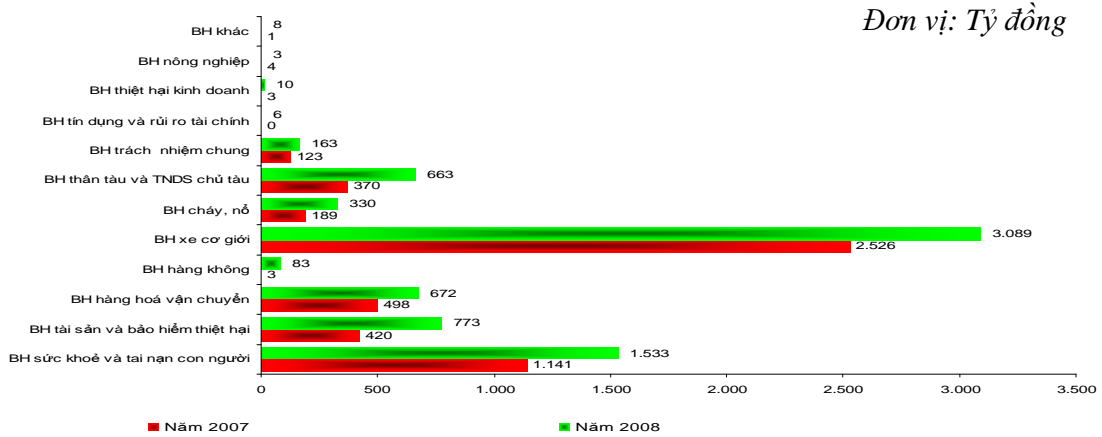
Trong cơ cấu phí bảo hiểm theo nghiệp vụ 2008, nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới chiếm tỷ trọng lớn nhất (28,7%), tiếp đến là bảo hiểm tài sản và thiệt hại (xấp xỉ 20%), bảo hiểm sức khoẻ và tai nạn con người (14,6%); bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu (11,7%); bảo hiểm cháy, nổ và bảo hiểm hàng hoá vận chuyển chiếm từ 6,1%- 8,9%. Trong khi đó, các nghiệp vụ bảo hiểm như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm vẫn chiếm tỷ trọng rất thấp (từ 0,02-1,92%).



**b. Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại theo nghiệp vụ**

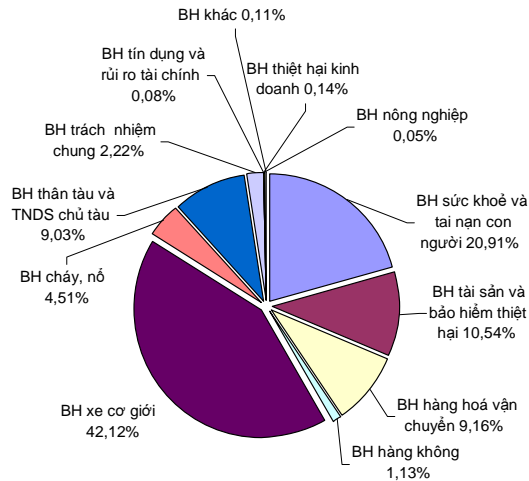
Sau quá trình thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm, năng lực tài chính, năng lực kinh doanh của các doanh nghiệp đã tăng lên đáng kể, công tác đánh giá rủi ro và đề phòng hạn chế tổn thất cũng được cải thiện. Kết quả là, mức phí bảo hiểm giữ lại của toàn thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng 39,2% so với năm 2007 lên mức 7.334 tỷ đồng.

**Biểu 4. Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại theo nghiệp vụ năm 2007- 2008**



**Biểu 5. Tỷ trọng doanh thu phí bảo hiểm giữ lại theo nghiệp vụ năm 2008**

Trong cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm giữ lại của thị trường bảo hiểm Việt Nam, nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới chiếm tỷ trọng lớn nhất (42,12%), tiếp đến là bảo hiểm sức khoẻ và tai nạn con người (20,91%), bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại (10,54%)... Các nghiệp vụ chiếm tỷ trọng phí bảo hiểm giữ lại thấp là bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính (0,08%), bảo hiểm nông nghiệp (0,05%).



### 3.2. Bồi thường bảo hiểm

Số tiền bồi thường bảo hiểm gốc năm 2008 là 4. 598 tỷ đồng, số tiền bồi thường bảo hiểm thuộc trách nhiệm giữ lại 3.393 tỷ đồng. Tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc và bồi thường bảo hiểm thuộc trách nhiệm giữ lại năm 2008 tương ứng là 42% và 46,3%. Vai trò của bảo hiểm trong việc đề phòng, khắc phục và hạn chế những tổn thất cho các đối tượng tham gia bảo hiểm, góp phần giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách nhà nước được nâng cao.

**Bảng 3. Số tiền bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ**

*Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Bồi thường bảo hiểm gốc	2.168	2.488	3.238	4.598
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	1.625	1.992	2.493	3.393

### 3.3. Dự phòng nghiệp vụ

Cùng với sự tăng trưởng về doanh thu phí bảo hiểm, phát triển hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, dự phòng nghiệp vụ được trích lập đầy đủ, tương ứng với phần trách nhiệm bảo hiểm giữ lại, nhằm đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm. Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ năm 2008 tăng 23,4% so với năm 2007, lên mức 5.503 tỷ đồng.

**Bảng 4. Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ**

Dự phòng nghiệp vụ	<i>Tỷ đồng</i>			
	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Dự phòng phí	1.768	2.144	2.634	3.365
Dự phòng bồi thường	445	633	1.170	1.472
Dự phòng dao động lớn	886	1.002	657	666
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.099</b>	<b>3.778</b>	<b>4.461</b>	<b>5.503</b>

## 4. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ

### 4.1. Tình hình khai thác hợp đồng bảo hiểm mới

Trong năm 2008, số lượng hợp đồng khai thác mới của các sản phẩm chính giảm đáng kể so với năm 2007. Số lượng hợp đồng khai thác mới của các sản phẩm bảo hiểm chính đạt hơn 550.000 hợp đồng, giảm 12,5% so với năm 2007. Tổng số tiền bảo hiểm tương ứng đạt 42.745 tỷ đồng, tăng 34,5% so với năm 2007. Bình quân số tiền bảo hiểm của hợp đồng khai thác mới trong năm 2008 đạt 78 triệu đồng, tăng 56% so với năm 2007.

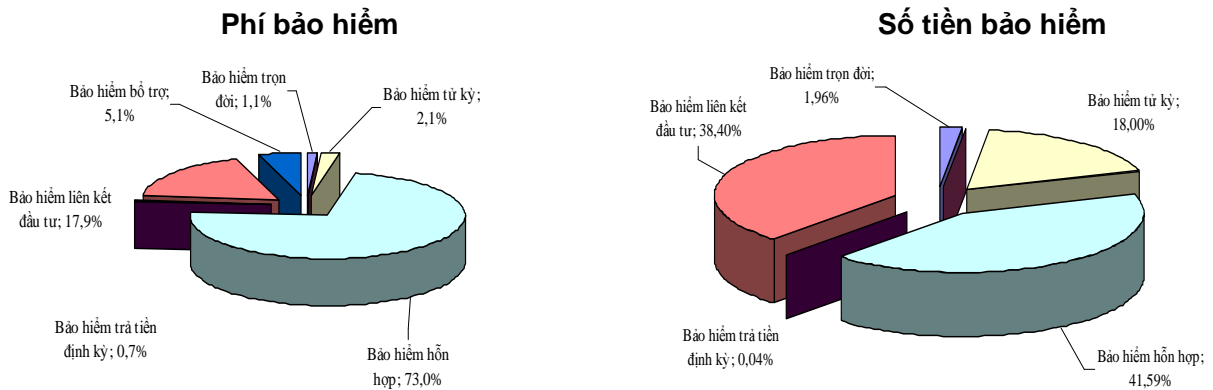
Tổng doanh thu phí bảo hiểm của các hợp đồng khai thác mới đạt 2.063 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2007. Trong đó doanh thu phí của các sản phẩm bảo hiểm chính đạt 1.958 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2007.

**Bảng 5: Số hợp đồng, số tiền bảo hiểm và số phí bảo hiểm khai thác mới năm 2008**

Nghiệp vụ	Hợp đồng bảo hiểm (Hợp đồng)		Số tiền bảo hiểm (Tỷ đồng)		Phí bảo hiểm (Tỷ đồng)	
	2007	2008	2007	2008	2007	2008
Bảo hiểm trọn đời	44.458	7.828	9.151	839	203	23
Bảo hiểm sinh kỳ	353	0	22	0	2	0
Bảo hiểm tử kỳ	112.139	106.939	5.439	7.694	31	44
Bảo hiểm hỗn hợp	472.276	366.289	17.167	17.779	1.492	1.506
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	1.093	2.193	8	18	5	15
Bảo hiểm liên kết đầu tư		68.111	-	16.415	-	370
<b>Tổng cộng</b>	<b>630.319</b>	<b>551.360</b>	<b>31.787</b>	<b>42.745</b>	<b>1.733</b>	<b>1.958</b>

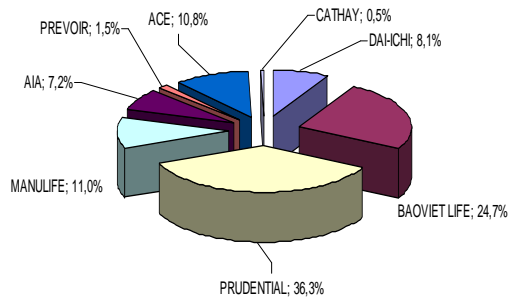


**Biểu 6 : Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm khai thác mới theo nghiệp vụ năm 2008**



**Biểu 7. Thị phần doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới 2008**

Trong tổng số 2.063 tỷ đồng doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới, Prudential chiếm tỷ trọng 36,3%; Bảo Việt Nhân thọ chiếm 24,7%; Manulife chiếm 11,0%; ACE Life chiếm 10,8%; Dai-ichi chiếm 8,1%; AIA chiếm 7,2%; Prevoir chiếm 1,5%; Cathay chiếm 0,5%.



**4.2. Tình hình hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm trong năm 2008**

Tổng số hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ trong năm 2008 là 464.850 hợp đồng, trong đó số hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ năm thứ nhất là 98.245 hợp đồng, chiếm tỷ lệ 2,55% số hợp đồng có hiệu lực, số hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ năm thứ 2 là 111.287 hợp đồng chiếm tỷ lệ 2,89% số hợp đồng có hiệu lực và số hợp đồng trong các năm sau là 255.318 hợp đồng chiếm tỷ lệ 6,63% số hợp đồng có hiệu lực.

**Bảng 6. Tình hình hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm trong năm 2008**

Nghiệp vụ	Trong năm hợp đồng thứ nhất		Trong năm hợp đồng thứ hai		Trong năm hợp đồng sau	
	Số HĐ	Tỷ lệ	Số HĐ	Tỷ lệ	Số HĐ	Tỷ lệ
Bảo hiểm trọn đời	3.618	5,09%	4.027	5,66%	3.839	5,40%
Bảo hiểm sinh kỳ	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Bảo hiểm từ kỳ	29.913	10,73%	20.172	7,23%	12.370	4,44%
Bảo hiểm hỗn hợp	61.556	1,82%	81.128	2,40%	237.438	7,04%
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	101	0,98%	312	3,02%	1.289	12,47%
Bảo hiểm liên kết đầu tư	3.057	2,68%	5648	4,95%	382	0,33%
<b>Tổng</b>	<b>98.245</b>	<b>2,55%</b>	<b>111.287</b>	<b>2,89%</b>	<b>255.318</b>	<b>6,63%</b>

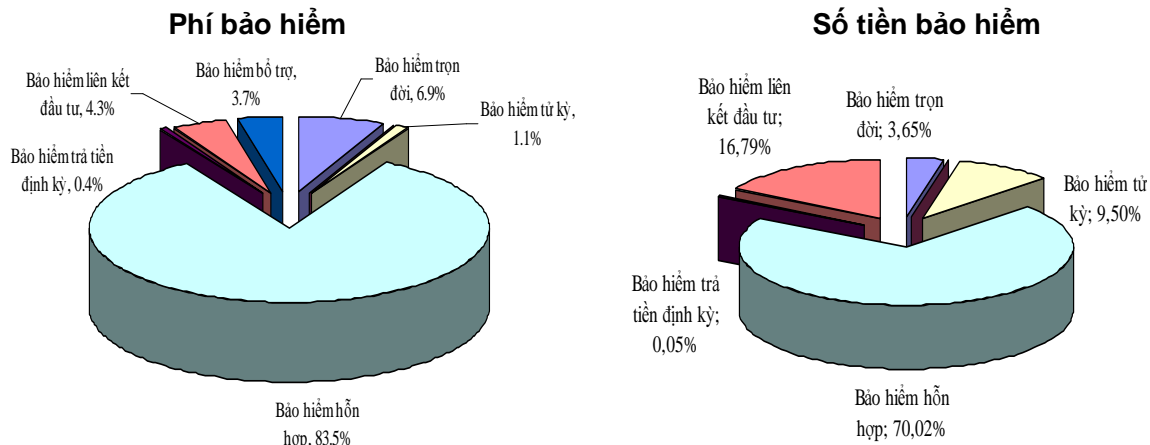
### 4.3. Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có hiệu lực

Hợp đồng khai thác mới giảm, hợp đồng huỷ bỏ tăng cao hơn so với năm 2007. Tổng số hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực đối với các sản phẩm bảo hiểm chính tăng 1,11% lên đến 3.849.013 hợp đồng vào cuối năm 2008. Các sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp vẫn chiếm tỷ trọng phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm cao nhất (87,68% và 70,02%).

**Bảng 7. Số hợp đồng, số tiền bảo hiểm và phí bảo hiểm có hiệu lực theo nghiệp vụ**

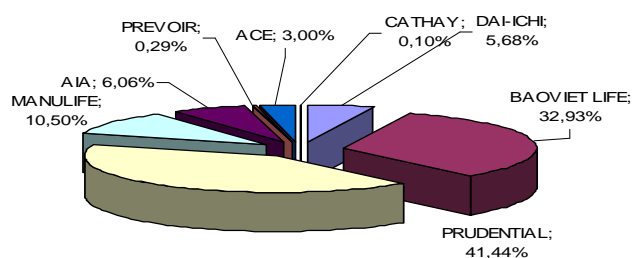
Nghiệp vụ	Hợp đồng bảo hiểm (Hợp đồng)		Số tiền bảo hiểm (Tỷ đồng)		Phí bảo hiểm (Tỷ đồng)	
	2007	2008	2007	2008	2007	2008
Bảo hiểm trọn đời	109.995	71.108	15.185	5.515	316	714
Bảo hiểm sinh kỳ	2.961	-	110	-	12	-
Bảo hiểm tử kỳ	228.489	278.894	9.870	14.359	91	112
Bảo hiểm hỗn hợp	3.454.692	3.374.635	100.612	105.839	8.675	8.602
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	10.525	10.334	52	70	37	46
Bảo hiểm liên kết đầu tư		114.042		25.381		447
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.806.662</b>	<b>3.849.013</b>	<b>125.829</b>	<b>151.164</b>	<b>9.131</b>	<b>9.921</b>

**Biểu 8 : Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm có hiệu lực trong năm 2008 theo nghiệp vụ**



Năm 2008, thị phần doanh thu phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực tiếp tục được duy trì như năm 2007, theo thứ tự sau Prudential (41,44%), Bảo Việt Nhân thọ (32,93%), Manulife (10,5%), AIA (6,06%), Dai-ichi (5,68%), ACE (3%), Prevoir (0,29%), Cathay (0,1%).

**Biểu 9: Thị phần phí bảo hiểm các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực của năm 2008**



#### 4.4. Tình hình trả tiền bảo hiểm

Tổng số tiền bảo hiểm các doanh nghiệp đã chi trả trong năm 2008 cho các sản phẩm chính là 2.784,2 tỷ đồng, tăng 30,53%; trả giá trị hoàn lại là 1.973,1 tỷ đồng, tăng 60,38% so với năm 2007. Số tiền chi trả bảo hiểm và trả giá trị hoàn lại tập trung chủ yếu vào các sản phẩm hỗn hợp, cho thấy, số đối tượng tham gia bảo hiểm được hưởng các quyền lợi bảo hiểm ngày càng nhiều qua các sản phẩm bảo hiểm có tính ưu việt mang tính chất bảo vệ, tiết kiệm và đầu tư.

**Bảng 8. Tình hình trả tiền bảo hiểm 2007-2008**

(Tỷ đồng)

Nghệp vụ	Trả tiền bảo hiểm gốc		Trả giá trị hoàn lại	
	2007	2008	2007	2008
Bảo hiểm trọn đời	19,9	24,1	11,0	19,8
Bảo hiểm sinh kỳ	1,1	0,0	23,3	0,0
Bảo hiểm tử kỳ	49,6	67,9	0,0	0,0
Bảo hiểm hỗn hợp	2.024,2	2.683,0	1.188,7	1.922,2
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	38,5	0,0	7,0	24,5
Bảo hiểm liên kết đầu tư		9,3		6,6
<b>Tổng số</b>	<b>2.133,3</b>	<b>2.784,3</b>	<b>1.230,0</b>	<b>1.973,1</b>

#### 4.5. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

Cũng giống như trong lĩnh vực phi nhân thọ, nhờ sự tăng trưởng về doanh thu phí bảo hiểm, phát triển hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, dự phòng nghiệp vụ cũng được trích lập đầy đủ và tăng lên tương ứng với phần trách nhiệm bảo hiểm, nhằm đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm. Năm 2008, tổng dự phòng nghiệp vụ của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đạt 35.301 tỷ đồng, tăng 13,06% so với năm 2007.

**Bảng 9. Dự phòng nghiệp vụ năm 2007-2008**

Dự phòng nghiệp vụ	DPNV trích trong năm (tỷ đồng)		Tăng trưởng	Tổng DPNV (tỷ đồng)		Tăng trưởng
	2007	2008		2007	2008	
Dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng	5.788	3.577	-35,84%	27.666	31.243	12,93%
Dự phòng bồi thường	(1)	22	-	32	54	68,75%
Dự phòng chia lãi	1.738	462	-73,41%	3.488	3.950	13,25%
Dự phòng đảm bảo cân đối	21	16	-23,81%	38	54	42,11%
<b>Tổng số</b>	<b>7.546</b>	<b>4.077</b>	<b>-45,97%</b>	<b>31.224</b>	<b>35.301</b>	<b>13,06%</b>

## 5. HOẠT ĐỘNG TÁI BẢO HIỂM

Năm 2008, tổng phí bảo hiểm giữ lại tại thị trường trong nước tăng 19,67% từ 15.347 tỷ đồng năm 2007 lên 18.365 tỷ đồng năm 2008. Trong đó, hoạt động tái bảo hiểm ra thị trường nước ngoài được thực hiện chủ yếu đối với hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ với tỷ trọng là 96,34% tổng số phí nhượng tái. Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm có rủi ro lớn như bảo hiểm tài sản và thiệt hại; bảo hiểm hàng không; bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu; bảo hiểm cháy, nổ, các doanh nghiệp thực hiện tái bảo hiểm với tỷ trọng lớn để phân tán rủi ro (tỷ lệ giữ lại thấp hơn năm 2007). Đối với các nghiệp vụ có rủi ro thấp như bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm tai nạn và sức khỏe con người, các doanh nghiệp hầu như không nhượng tái ra nước ngoài trong khi tốc độ tăng trưởng doanh thu của các nghiệp vụ này trong năm 2008 là rất cao.

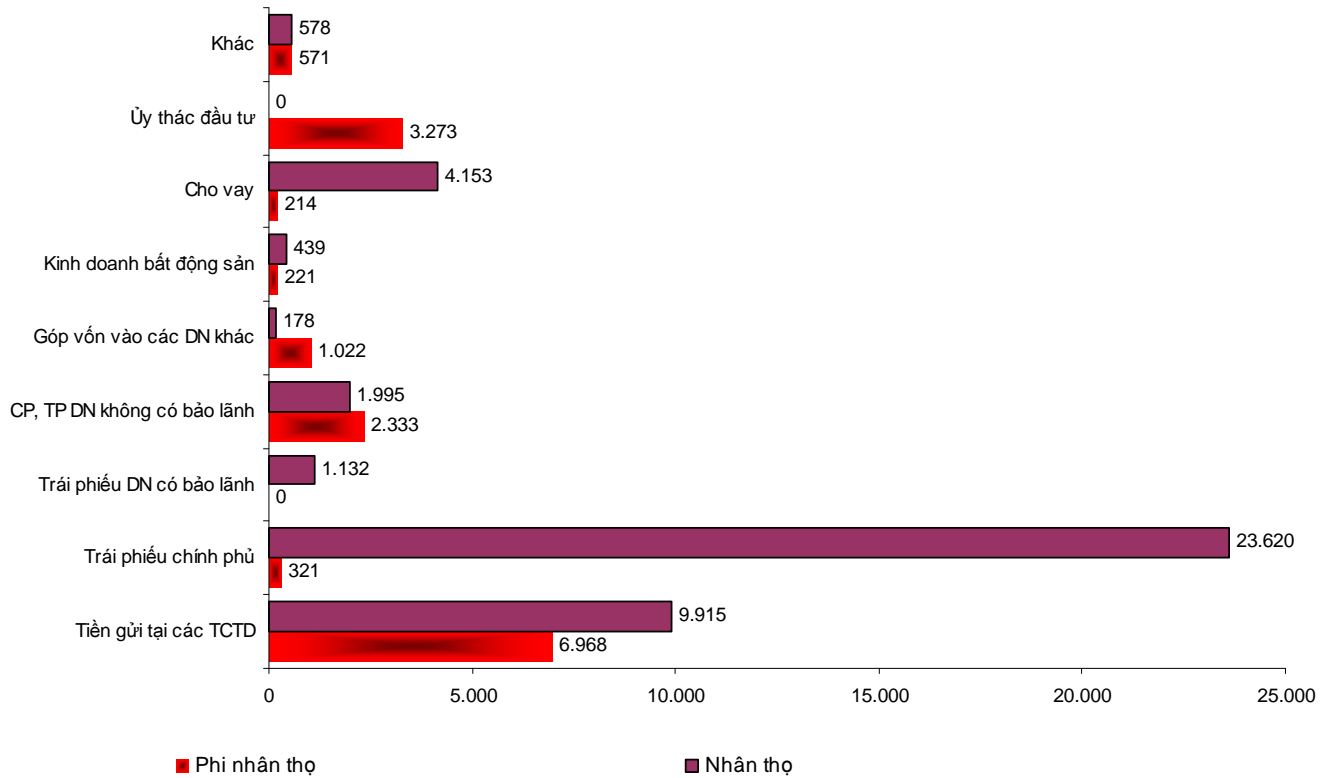
**Bảng 10. Hoạt động tái bảo hiểm năm 2006 - 2008**

Chỉ tiêu	Tỷ đồng		
	2006	2007	2008
<b>Tổng phí bảo hiểm gốc</b>	<b>14.898</b>	<b>17.342</b>	<b>21.253</b>
Phi nhân thọ	6.403	8.211	10.950
Nhân thọ	8.495	9.131	10.303
<b>Nhượng tái bảo hiểm ròng ra nước ngoài</b>	<b>2.484</b>	<b>1.995</b>	<b>3.721</b>
Phi nhân thọ	2.047	1.922	3.616
Nhân thọ	437	73	105
<b>Tổng phí bảo hiểm giữ lại</b>	<b>12.414</b>	<b>15.653</b>	<b>17.532</b>
Phi nhân thọ	4.356	6.289	7.334
Nhân thọ	8.058	9.364	10.198

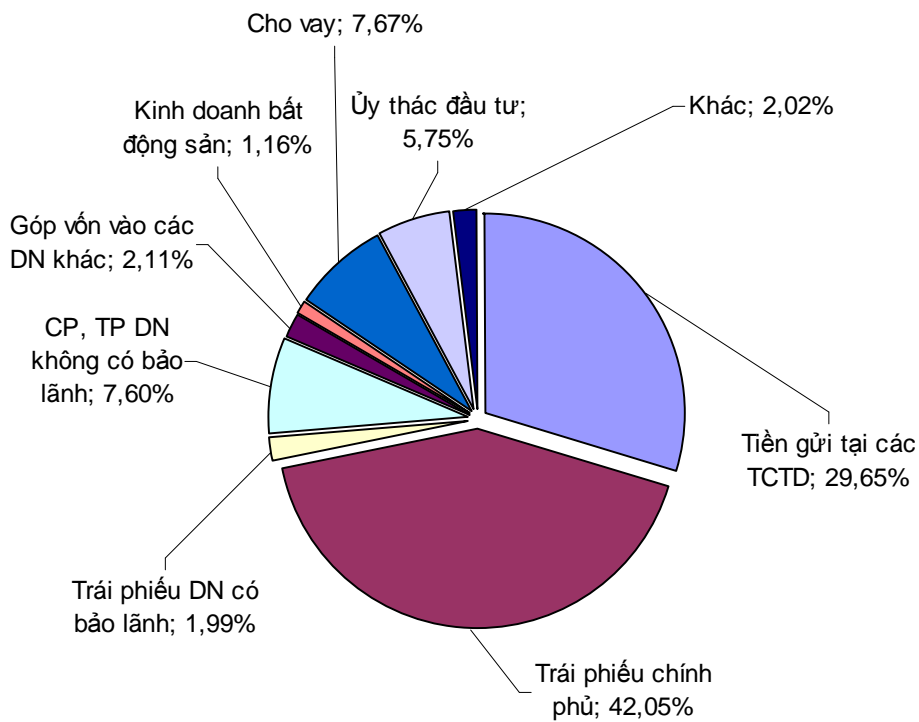
## 6. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Các doanh nghiệp bảo hiểm đã tạo lập nguồn vốn lớn và dài hạn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2008, tổng số tiền các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế là 11.177 tỷ đồng, nâng tổng số tiền đầu tư của toàn ngành bảo hiểm đến cuối năm 2008 lên 56.934 tỷ đồng tăng 24,43% so với 2007. Công tác đầu tư vốn của các doanh nghiệp ngày càng được cải thiện và đi vào chiều sâu nhằm đảm bảo lựa chọn được các dự án đầu tư thích hợp, an toàn cho nguồn vốn và mang lại hiệu quả kinh tế cao như góp vốn liên doanh, tham gia thành lập công ty cổ phần, cho vay, tham gia các dự án đầu tư, mua trái phiếu Chính phủ, mua cổ phiếu, gửi tiết kiệm ngân hàng... Năm 2008, tỷ trọng đầu tư trong các lĩnh vực như sau: mua trái phiếu chính phủ chiếm 42,05%, gửi tiền tại các tổ chức tín dụng chiếm 29,65%, mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh chiếm 7,60%, uỷ thác đầu tư chiếm 5,75%. Thông qua việc đa dạng hoá hoạt động đầu tư, các doanh nghiệp bảo hiểm đã thu được nhiều kết quả quan trọng từ đầu tư tài chính, giúp hình thành phần lớn lợi nhuận của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ.

**Biểu 10. Tình hình đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2008**



**Biểu 11. Cơ cấu đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2008**



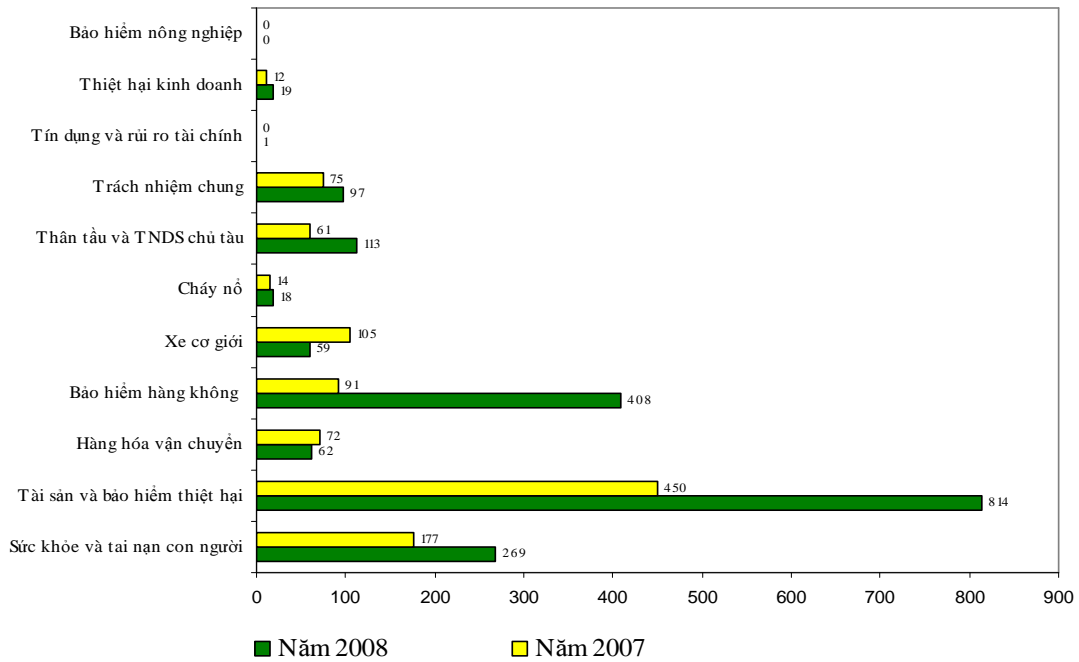
## 7. TRUNG GIAN BẢO HIỂM

### Hoạt động môi giới bảo hiểm

Tổng phí bảo hiểm giới thiệu cho các Công ty bảo hiểm đạt khoảng 1.860 tỷ đồng, tăng 32,3% so với năm 2007, chiếm 17,1% tổng số phí bảo hiểm phi nhân thọ của toàn thị trường.

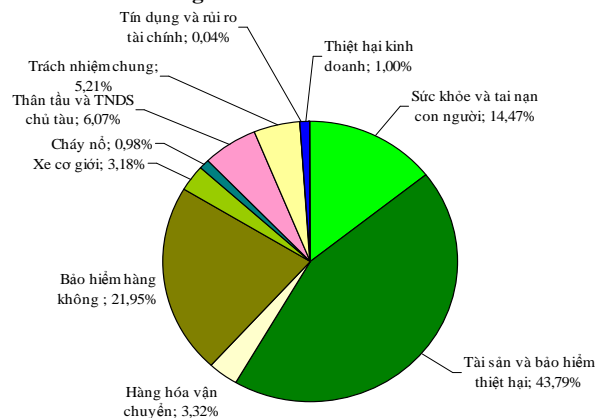
**Biểu 1. Phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới bảo hiểm 2007-2008**

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)



So với năm 2007, doanh thu phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới của nghiệp vụ bảo hiểm hàng không tăng nhiều nhất, từ 91 tỷ đồng lên 408 tỷ đồng, các nghiệp vụ có tốc độ tăng trưởng cao khác bao gồm: Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu (86,5%), Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại (80,9%), Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh (54,3%), Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người (52,3%). Các nghiệp vụ Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, Bảo hiểm xe cơ giới, Bảo hiểm nông nghiệp giảm so với năm 2007.

**Biểu 13. Tỷ trọng phí bảo hiểm gốc thu xếp qua môi giới bảo hiểm năm 2008**



Hoạt động môi giới bảo hiểm tập trung chủ yếu ở các nghiệp vụ: Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại (43,79%), Bảo hiểm hàng không (21,95%), Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người (14,47%).

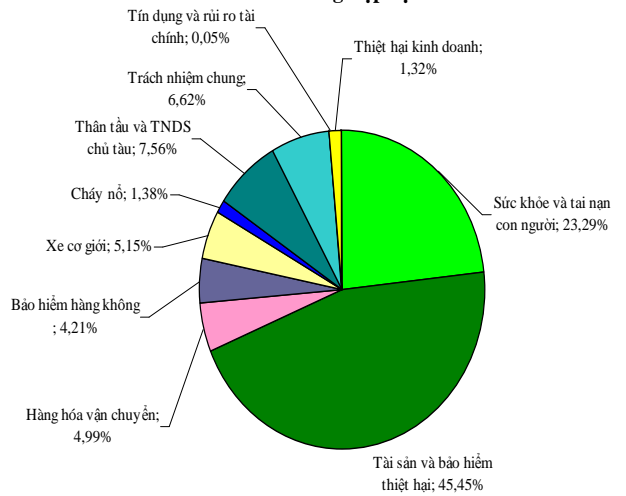
Doanh thu từ hoạt động môi giới đạt khoảng 174 tỷ đồng, tăng 33,7% so với năm 2007. Hoa hồng môi giới bảo hiểm tập trung chủ yếu ở các nghiệp vụ: Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại (45,45%), Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người (23,29%), Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu (7,56%).

Bên cạnh đó, một số Công ty môi giới bảo hiểm, chủ yếu là các công ty môi giới bảo hiểm 100% vốn đầu tư nước ngoài đã phát triển các dịch vụ môi giới tái bảo hiểm cho các công ty bảo hiểm trong và ngoài nước. Dịch vụ môi giới tái bảo hiểm tập trung chủ yếu là nghiệp vụ Bảo hiểm tài sản và thiệt hại và nghiệp vụ Bảo hiểm hàng không. Tổng phí tái bảo hiểm thu xếp qua môi giới đạt 261 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động này đạt gần 9 tỷ đồng.

### Đại lý bảo hiểm

Tổng đại lý bảo hiểm năm 2008 đạt 122.917 đại lý, tăng 3,91% so với năm 2007. Trong đó đại lý bảo hiểm nhân thọ là 87.762 người, tăng 7,03% so với năm 2007, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ là 35.155 người, giảm 3,13% so với năm 2007.

**Biểu 14. Tỷ trọng hoa hồng môi giới bảo hiểm theo nghiệp vụ**



**PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC CÔNG TY BẢO HIỂM, MÔI GIỚI BẢO HIỂM NĂM 2008**

TT	Tên Công ty	Năm thành lập	Hình thức sở hữu	Vốn điều lệ đã góp
<b>I. Công ty bảo hiểm phi nhân thọ: 27 công ty</b>				
1	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo Việt)	1964	TNHH	1.000 tỷ đồng
2	Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh (Bảo Minh)	1994	Cổ phần	755 tỷ đồng
3	Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	1996	Cổ phần	1.035,5 tỷ đồng
4	Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (Pjico)	1995	Cổ phần	335,1 tỷ đồng
5	Công ty cổ phần bảo hiểm Toàn Cầu (Toàn Cầu)	2006	Cổ phần	300 tỷ đồng
6	Công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện (PTI)	1998	Cổ phần	300 tỷ đồng
7	Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông (Viễn Đông)	2003	Cổ phần	300 tỷ đồng
8	Công ty cổ phần bảo hiểm Nhà Rồng (Bảo Long)	1995	Cổ phần	167,2 tỷ đồng
9	Công ty cổ phần bảo hiểm AAA (AAA)	2005	Cổ phần	675 tỷ đồng
10	Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	2005	Nhà nước	500 tỷ đồng
11	Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC)	2006	Cổ phần	380 tỷ đồng
12	Công ty TNHH bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam (Bảo Ngân)	2002	Nhà nước	92,6 tỷ đồng
13	Công ty cổ phần bảo hiểm Bảo Tín (Bảo Tín)	2006	Cổ phần	80 tỷ đồng
14	Công ty cổ phần bảo hiểm Quân đội (Bảo Quân)	2007	Cổ phần	300 tỷ đồng
15	Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng Không (Hàng Không)	2008	Cổ phần	477,6 tỷ đồng
16	Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương (Hùng Vương)	2008	Cổ phần	166,1 tỷ đồng
17	Công ty cổ phần bảo hiểm SHB-Vinacomin (Than-Khoáng sản)	2008	Cổ phần	300 tỷ đồng
18	Công ty bảo hiểm Liên hiệp (UIC)	1997	Liên doanh	5 triệu USD
19	Công ty LD bảo hiểm Quốc tế Việt Nam (VIA)	1996	Liên doanh	300 tỷ đồng
20	Công ty TNHH bảo hiểm Samsung Vina (Samsung-Vina)	2002	Liên doanh	5 triệu USD
21	Công ty TNHH bảo hiểm QBE Việt Nam (QBE)	2005	100% vốn nước ngoài	6,3 triệu USD
22	Công ty TNHH bảo hiểm phi nhân thọ AIG (Việt Nam) (AIG)	2005	100% vốn nước ngoài	318,6 tỷ đồng
23	Công ty TNHH bảo hiểm tổng hợp Groupama Việt Nam (Groupama)	2001	100% vốn nước ngoài	7,6 triệu USD
24	Công ty TNHH bảo hiểm Liberty (Liberty)	2006	100% vốn nước ngoài	320 tỷ đồng
25	Công ty TNHH bảo hiểm ACE (ACE)	2006	100% vốn nước ngoài	304,5 tỷ đồng
26	Công ty TNHH bảo hiểm Fubon (Việt Nam) (Fubon)	2008	100% vốn nước ngoài	300 tỷ đồng
27	Công ty TNHH bảo hiểm Phi nhân thọ MSIG Việt Nam (MSIG)	2008	100% vốn nước ngoài	300 tỷ đồng
<b>II. Công ty bảo hiểm nhân thọ: 11 công ty</b>				
28	Bảo Việt Nhân thọ	2004	TNHH	1.500 tỷ đồng
29	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Dai-ichi)	2007	100% vốn nước ngoài	72 triệu USD
30	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam (Prudential)	1999	100% vốn nước ngoài	75 triệu USD
31	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) (Manulife)	1999	100% vốn nước ngoài	25 triệu USD
32	Công ty TNHH bảo hiểm quốc tế Mỹ Việt Nam (AIA)	2000	100% vốn nước ngoài	25 triệu USD
33	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Ace (Ace Life)	2005	100% vốn nước ngoài	31,91 triệu USD
34	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prévoir Việt Nam (Prevoir)	2005	100% vốn nước ngoài	600 tỷ đồng
35	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Cathay Việt Nam (Cathay)	2007	100% vốn nước ngoài	60 triệu USD
36	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Great Eastern Việt Nam (GE)	2007	100% vốn nước ngoài	600 tỷ đồng
37	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Hàn Quốc (Việt Nam) (KLI)	2008	100% vốn nước ngoài	960 tỷ đồng
38	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Vietcombank-Cardif (VCLI)	2008	Liên doanh	600 tỷ đồng
<b>III. Công ty tái bảo hiểm: 1 công ty</b>				
39	Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE)	1994	Cổ phần	672,2 tỷ đồng
<b>IV. Công ty môi giới bảo hiểm: 9 công ty</b>				
40	Đơn vị môi giới bảo hiểm Việt Quốc (Việt Quốc)	2001	Cổ phần	6 tỷ đồng
41	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Á Đông (Á Đông)	2003	Cổ phần	6 tỷ đồng
42	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Đại Việt (Đại Việt)	2003	Cổ phần	6 tỷ đồng
43	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Thái Bình Dương (PIB)	2005	Cổ phần	6 tỷ đồng
44	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Cimeico (Cimeico)	2006	Cổ phần	30 tỷ đồng
45	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Sao Việt	2008	Cổ phần	4 tỷ đồng
46	Công ty TNHH AON Việt Nam (AON)	1993	100% vốn nước ngoài	8 tỷ đồng
47	Công ty TNHH môi giới bảo hiểm Gras Savoye Willis Việt Nam (Grassavoye)	2003	100% vốn nước ngoài	300.000 USD
48	Công ty TNHH môi giới bảo hiểm Marsh Việt Nam (Marsh)	2004	100% vốn nước ngoài	300.000 USD
49	Công ty TNHH môi giới bảo hiểm Jardine Loyld Thompson Việt Nam	2008	100% vốn nước ngoài	300.000 USD



**PHỤ LỤC 2. DOANH THU - THỊ PHẦN PHÍ BẢO HIỂM GỐC NĂM 2007 – 2008**

STT	Tên Công ty	Doanh thu phí bảo hiểm gốc (tỷ đồng)		Thị phần phí bảo hiểm gốc	
		2007	2008	2007	2008
<b>I. Công ty bảo hiểm phi nhân thọ</b>		<b>8.213</b>	<b>10.950</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
1	Bảo Việt	2.587	3.345	31,50%	30,55%
2	Bảo Minh	1.606	1.886	19,56%	17,23%
3	PVI	1.599	2.021	19,47%	18,45%
4	Pjico	889	1.070	10,83%	9,77%
5	Toàn Cầu	113	193	1,37%	1,77%
6	PTI	292	442	3,56%	4,04%
7	Viễn Đông	158	221	1,92%	2,02%
8	Bảo Long	165	254	2,01%	2,32%
9	AAA	158	203	1,93%	1,86%
10	BIC	148	269	1,80%	2,46%
11	ABIC	17	132	0,20%	1,21%
12	Bảo Ngân	26	24	0,31%	0,22%
13	Bảo Tín	1	9	0,02%	0,08%
14	Bảo Quân		144		1,31%
15	Bảo Không		72		0,66%
16	Hùng Vương		7		0,06%
17	Than-Khoáng sản				
18	UIC	166	179	2,02%	1,63%
19	VIA	122	174	1,48%	1,59%
20	Samsung-Vina	69	89	0,84%	0,81%
21	QBE	29	37	0,36%	0,34%
22	AIG	59	115	0,71%	1,05%
23	Groupama	2	4	0,03%	0,04%
24	Liberty	5	45	0,06%	0,41%
25	ACE	2	14	0,02%	0,12%
26	Fubon		1		0,01%
27	MSIG				
<b>II. Công ty bảo hiểm nhân thọ</b>		<b>9.437</b>	<b>10.303</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
28	Bảo Việt Nhân thọ	3.286	3.393	34,82%	32,93%
29	Dai-ichi	472	585	5,00%	5,68%
30	Prudential	3.958	4.270	41,94%	41,44%
31	Manulife	969	1.082	10,27%	10,50%
32	AIA	556	624	5,89%	6,06%
33	Ace Life	168	309	1,78%	3,00%
34	Prévoir	28	30	0,30%	0,29%
35	Cathay		10		0,10%
36	Great Eastern				
37	KLI				
38	VCLI				
<b>Tổng cộng</b>		<b>17.650</b>	<b>21.253</b>		

**PHỤ LỤC 3. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2007 - 2008**

*Tỷ đồng*

STT	Tên Công ty	2007			2008		
		Phí bảo hiểm gốc	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Phí bảo hiểm gốc	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản
<b>I. Bảo hiểm phi nhân thọ</b>		<b>8.213</b>	<b>8.339</b>	<b>16.650</b>	<b>10.950</b>	<b>11.555</b>	<b>22.759</b>
1	Bảo Việt	2.587	1.095	3.610	3.345	1.015	4.062
2	Bảo Minh	1.606	2.061	3.108	1.886	2.103	3.209
3	PVI	1.599	1.754	4.519	2.021	2.288	4.918
4	Pjico	889	199	705	1.070	414	1.015
5	Toàn Cầu	113	73	372	193	315	460
6	PTI	292	151	505	442	480	876
7	Viễn Đông	158	314	875	221	308	833
8	Bảo Long	165	188	292	254	171	298
9	AAA	158	396	568	203	591	798
10	BIC	148	520	7	269	443	1.746
11	ABIC	17	380	395	132	388	490
12	Bảo Ngân	26	100	133	24	102	126
13	Bảo Tín	1	80	81	9	75	87
14	Bảo Quân				144	301	397
15	Bảo Không				72	502	663
16	Hùng Vương				7	168	180
17	Than-Khoáng sản						
18	UIC	166	180	310	179	63	364
19	VIA	122	142	237	174	300	492
20	Samsung-Vina	69	86	199	89	77	216
21	QBE	29	89	139	37	90	165
22	AIG	59	133	173	115	319	398
23	Groupama	2	56	60	4	117	75
24	Liberty	5	277	286	45	321	250
25	ACE	2	65	76	14	304	307
26	Fubon				1	300	334
27	MSIG						
<b>II. Bảo hiểm nhân thọ</b>		<b>9.437</b>	<b>5.541</b>	<b>39.678</b>	<b>10.303</b>	<b>11.125</b>	<b>49.075</b>
28	Bảo Việt Nhân thọ	3.286	1.565	14.408	3.393	1.517	15.192
29	Dai-ichi	472	196	1181	585	987	2.330
30	Prudential	3.958	2.304	16.799	4.270	3.009	19.487
31	Manulife	969	907	4.439	1.082	908	4.918
32	AIA	556	193	2.080	624	671	2.780
33	Ace Life	168	287	420	309	318	508
34	Prévoir	28	89	351	30	510	582
35	Cathay	-		-	10	993	1.016
36	Great Eastern	-		-	-	589	620
37	KLI	-		-	-	1.011	1.020
38	VCLI	-		-	-	612	622
<b>III. Tái bảo hiểm</b>		<b>-</b>	<b>614</b>	<b>1.215</b>	<b>-</b>	<b>1.911</b>	<b>2.724</b>
39	VINARE	-	614	1.215	-	1.911	2.724
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>17.650</b>	<b>14.494</b>	<b>57.543</b>	<b>21.253</b>	<b>24.591</b>	<b>74.558</b>

**PHỤ LỤC 4. BỒI THƯỜNG, TRẢ TIỀN BẢO HIỂM VÀ DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ NĂM 2007 VÀ 2008**

Tỷ đồng

STT	Tên Công ty	Bồi thường/trả tiền bảo hiểm		Tổng dự phòng nghiệp vụ 2007					Tổng dự phòng nghiệp vụ 2008				
		2007	2008	DP toán học, DP phí	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng chia lãi	Tổng số	Dự phòng phí, Dự phòng toán học	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng chia lãi	Tổng số
<b>I. Bảo hiểm phi nhân thọ</b>		<b>3.238</b>	<b>4.598</b>	<b>2.634</b>	<b>1.170</b>	<b>657</b>		<b>4.461</b>	<b>3.365</b>	<b>1.472</b>	<b>666</b>		<b>5.503</b>
1	Bảo Việt	1.307	1.615	1.020	768	56		1.844	1.148	895	95		2.138
2	Bảo Minh	747	994	464	124	179		767	528	127	160		815
3	PVI	418	886	243	44	141		428	473	120	64		658
4	Pjico	326	396	346	40	66		451	400	54	91		545
5	Toàn Cầu	11	37	30	1	1		31	52	3	4		59
6	PTI	138	149	114	86	107		307	130	74	115		319
7	Viễn Đông	51	98	71	13	13		96	84	8	18		110
8	Bảo Long	81	134	63	13	6		82	97	14	2		114
9	AAA	27	61	100	7	10		118	92	9	20		121
10	BIC	15	73	61	27	5		93	85	63	10		159
11	ABIC	1	18	7	2	1		10	43	9	5		57
12	Bảo Ngân	27	8	2	3	0		6	6	4	1		10
13	Bảo Tín	0	0	1		0		1	4	1	0		5
14	Bảo Quân		18						57	4	6		67
15	Bảo Không		0						5	0	0		6
16	Hùng Vương		0						1	0	0		2
17	Than-Khoáng sản												
18	UIC	27	28	20	7	53		81	19	7	46		72
19	VIA	44	40	24	14	7		45	34	25	10		69
20	Samsung-Vina	4	15	19	9	8		35	17	15	9		41
21	QBE	6	3	31	6	3		40	37	17	4		58
22	AIG	7	18	14	5	2		21	19	12	4		35
23	Groupama	0	0	0	0	0		1	0	0	0		1
24	Liberty	0	6	1	0	-		1	23	7	1		31

STT	Tên Công ty	Bồi thường/trả tiền bảo hiểm		Tổng dự phòng nghiệp vụ 2007					Tổng dự phòng nghiệp vụ 2008				
		2007	2008	DP toán học, DP phí	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng chia lãi	Tổng số	Dự phòng phí, Dự phòng toán học	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng chia lãi	Tổng số
25	ACE	-	0	3	0	0		3	8	2	1		11
26	Fubon		-						0	0	0		0
27	MSIG			-	-	-		-					
<b>II. Bảo hiểm nhân thọ</b>		<b>3.389</b>	<b>4.803</b>	<b>27.666</b>	<b>32</b>	<b>38</b>	<b>3.488</b>	<b>31.224</b>	<b>31.243</b>	<b>54</b>	<b>54</b>	<b>3.950</b>	<b>35.301</b>
28	Bảo Việt Nhân thọ	1.938	2.547	11.859	3	14	296	12.172	12.754	5	12	531	13.302
29	Dai-ichi	83	132	924	1		16	941	1.251	1	0	36	1.288
30	Prudential	899	1.346	9.943	5	25	3.176	13.149	11.663	5	39	3.381	15.088
31	Manulife	310	478	3.064	20	2	0	3.086	3.435	25	2	1	3.463
32	AIA	154	284	1.771	2	0	0	1.773	1.951	9	1	0	1.961
33	Ace Life	4	10	63	0	0	0	63	122	8	0	0	130
34	Prévoir	1	6	42	1	-3		40	61	1	0	1	63
35	Cathay							0	6	0	0	0	6
36	Great Eastern							0					0
37	KLI												
38	VCLI							0					0
<b>Tổng thị trường</b>		<b>6.627</b>	<b>9.401</b>	<b>30.300</b>	<b>1.202</b>	<b>695</b>	<b>3.488</b>	<b>35.685</b>	<b>34.608</b>	<b>1.526</b>	<b>720</b>	<b>3.950</b>	<b>40.804</b>

PHỤ LỤC 5. CƠ CẤU ĐẦU TƯ NĂM 2007 VÀ ƯỚC 2008

Tỷ đồng

STT	Tên Công ty	2007			2008									
		Đầu tư ngắn hạn	Đầu tư dài hạn	Tổng số	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	Trái phiếu chính phủ	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh	Cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh	Góp vốn vào các doanh nghiệp khác	Kinh doanh bất động sản	Cho vay	Ủy thác đầu tư	Khác	Tổng số tiền đầu tư
<b>I. Bảo hiểm phi nhân thọ</b>		<b>5.713</b>	<b>4.457</b>	<b>10.173</b>	<b>6.968</b>	<b>321</b>	<b>0</b>	<b>2.333</b>	<b>1.022</b>	<b>221</b>	<b>214</b>	<b>3.273</b>	<b>571</b>	<b>14.925</b>
1	Bảo Việt	25	1.594	1.619	353	0	-	-	240	-	-	1.714	-	2.307
2	Bảo Minh	955	972	1.928	973	45	-	621	248	8	0	6	181	2.083
3	PVI	2.173	531	2.704	797	125	-	655	156	-	-	1.475	163	3.371
4	Pjico	192	117	310	330	-	-	100	40	4	38	-	-	513
5	Toàn Cầu	190	86	276	191	-	-	18	37	10	49	-	-	305
6	PTI	192	24	217	454	1	-	7	78	-	66	15	-	621
7	Viễn Đông	247	221	469	1	0	-	346	111	181	4	-	6	649
8	Bảo Long	116	56	171	115	0	-	51	-	-	1	-	30	197
9	AAA	65	261	326	-	-	-	103	-	-	47	-	181	331
10	BIC	386	206	592	903	-	-	271	100	-	-	56	-	1.329
11	ABIC	-	319	319	345	-	-	50	-	-	9	-	-	404
12	Bảo Ngân	85	6	91	96	-	-	-	5	-	-	-	-	100
13	Bảo Tín	69	-	69	1	-	-	50	-	18	-	-	-	70
14	Bảo Quân	-	-	-	227	-	-	27	-	-	-	7	10	271
15	Bảo Không	-	-	-	203	150	-	2	-	-	-	-	-	355
16	Hùng Vương	-	-	-	163	-	-	5	-	-	-	-	-	168
17	Than-Khoáng sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	UIC	226	10	236	301	-	-	-	7	-	-	-	-	308
19	VIA	158	18	176	399	-	-	17	-	-	-	-	-	417
20	Samsung-Vina	91	31	122	128	-	-	5	-	-	-	-	-	133
21	QBE	103	-	103	124	-	-	-	-	-	-	-	-	124
22	AIG	127	-	127	145	-	-	-	-	-	-	-	-	145
23	Groupama	22	5	27	24	-	-	5	-	-	-	-	-	29

STT	Tên Công ty	2007			2008									
		Đầu tư ngắn hạn	Đầu tư dài hạn	Tổng số	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	Trái phiếu chính phủ	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh	Cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh	Góp vốn vào các doanh nghiệp khác	Kinh doanh bất động sản	Cho vay	Ủy thác đầu tư	Khác	Tổng số tiền đầu tư
24	Liberty	240		240	160	-	-	-	-	-	-	-	-	160
25	ACE	51		51	280									280
26	Fubon				255	-	-	-	-	-	-	-	-	255
27	MSIG													-
<b>II. Bảo hiểm nhân thọ</b>		<b>5.705</b>	<b>29.879</b>	<b>35.584</b>	<b>9.915</b>	<b>23.620</b>	<b>1.132</b>	<b>1.995</b>	<b>178</b>	<b>439</b>	<b>4.153</b>	<b>0</b>	<b>578</b>	<b>42.009</b>
28	Bảo Việt Nhân thọ	2.529	10.313	12.842	2.752	6.642			38	301	1.004			10737
29	Dai-ichi	406	584	990	1.002	793	0	160						1.955
30	Prudential	881	14.540	15.421	2.618	11.219		1.727	111		2.583			18.257
31	Manulife	1.361	2.798	4.159	1.151	2.642	120	108	26	138	453			4.638
32	AIA	432	1.499	1.931	230	1.847	232				113			2.422
33	Ace Life	57	80	137	366	148	54		3				13	584
34	Prévoir	39	65	104	178	162	40						12	392
35	Cathay	0	0	0		167	686							853
36	Great Eastern	0	0	0	14								553	567
37	KLI	0	0	0	996									996
38	VCLI	0	0	0	608									608
<b>Tổng cộng</b>		<b>11.418</b>	<b>34.336</b>	<b>45.757</b>	<b>16.883</b>	<b>23.941</b>	<b>1.132</b>	<b>4.328</b>	<b>1.200</b>	<b>660</b>	<b>4.367</b>	<b>3.273</b>	<b>1.149</b>	<b>56.934</b>